

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**



**BÁO CÁO:
TÁC ĐỘNG HAI MẶT KHI KHỦNG HOẢNG NỢ NỔ
RA**

Môn học: Quản lý nợ nước ngoài.

Giảng viên hướng dẫn : PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Chi
Sinh viên thực hiện. : Lê Vương Hà
Đỗ Minh Ngọc
Đặng Thị Ngân
Nguyễn Ngọc Linh Chi

Hà Nội, 2020

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	3
MỞ ĐẦU.....	4
1. Tính cấp thiết.....	4
2. Tổng quan.	5
3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu.....	9
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	9
5. Phương pháp nghiên cứu.....	9
5.1. Thu thập dữ liệu	9
5.2. Việc phân tích dữ liệu.....	10
6. Đóng góp của đề tài.	10
7. Kết cấu của đề tài.	10
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN LIÊN QUAN ĐẾN KHỦNG HOẢNG NỢ.11	
1.1. Khủng hoảng nợ là gì ?	11
1.2. Nguyên nhân gây ra khủng hoảng nợ.....	11
CHƯƠNG 2: TÁC ĐỘNG HAI MẶT KHI KHỦNG HOẢNG NỢ NỔ RA... 14	
2.1. Tác động tiêu cực của khủng hoảng nợ.....	14
2.2. Tác động tích cực của khủng hoảng nợ.....	17
CHƯƠNG 3: KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP..... 22	
TỔNG KẾT..... 23	
TÀI LIỆU THAM KHẢO..... 24	

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Từ tiếng anh	Từ tiếng việt
EU	European Union	Liên minh châu Âu
ECB	European Central Bank	Ngân hàng Trung ương Châu Âu
ELSTAT		Cơ quan Thống kê Hy Lạp
GDP	Gross Domestic Product	Tổng sản phẩm trong nước
IMF	International Monetary Fund	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
LDCs	Less Developed Countries	Nước kém phát triển
NHTW		Ngân hàng trung ương
ODA	Official Development Assistance	Hỗ trợ Phát triển Chính thức
PDVSA	Petroleum of Venezuela	Dầu khí của Venezuela

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết

Quá trình toàn cầu hóa nền kinh tế đang diễn ra nhanh chóng với quy mô ngày càng lớn trong tất cả mọi lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội. Một quốc gia tham gia hội nhập sẽ được tạo cơ hội thuận lợi, đặc biệt là các nước kém phát triển có thể đi tắt đón đầu trong việc tiếp cận với công nghệ mới, tận dụng các nguồn vốn bên ngoài, được tiếp xúc với lĩnh vực quản lý có chất lượng, hiệu quả, nhưng đồng thời cũng đặt ra cho các nước này những thách thức, khó khăn. Hiện nay, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều cho vay và đi vay, việc vay nợ nước ngoài trở thành phổ biến cho các nước giàu và nghèo. Nguồn vốn vay nợ nước ngoài luôn luôn là động lực thúc đẩy đầu tư phát triển cho toàn bộ nền kinh tế của mỗi quốc gia. Chúng bổ sung nguồn vốn thiếu hụt trong nước, giúp các quốc gia chuyển đổi nền kinh tế nhằm đạt mức tăng trưởng cao hơn. Do vậy, nợ nước ngoài ở nhiều quốc gia không ngừng tăng lên qua thời gian.

Theo tổng hợp từ Văn phòng Phát triển thế giới của Anh, trong giai đoạn 20 năm, từ giữa năm 1973 đến 1993, nợ công của các nước đang phát triển trung bình tăng 20% hàng năm, tương đương từ 300 tỷ USD lên 1.500 tỷ USD. Theo số liệu thống kê của Ngân hàng Phát triển Châu Á (2015), quy mô nợ nước ngoài của một số nước như Thái Lan (44% GDP), Indonesia (39,7% GDP) và Philippines (47,3% GDP) ngày càng lớn.

Sự gia tăng mạnh mẽ các khoản nợ nước ngoài chính là để bắt kịp tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của thế giới. Tuy nhiên, vay nợ quá nhiều và giám sát việc sử dụng vốn vay không tốt có thể dẫn đến khủng hoảng nợ. Khủng hoảng nợ có quy mô rộng khắp, từ những nước đang phát triển thu nhập thấp tới những nước có thu nhập trung bình. Ví dụ điển hình cho khủng hoảng nợ nước ngoài chúng ta có thể nhìn vào cuộc khủng hoảng nợ ở Mexico. Vào ngày 12/8/1982, chính phủ Mexico tuyên bố quốc gia mất khả năng trả khoản nợ \$80 tỷ cho các ngân hàng quốc tế. Đây được coi là mở đầu cho một cuộc khủng hoảng nợ quốc tế. Ngay sau khi Chính phủ Mexico tuyên bố vỡ nợ, một số nước kém phát triển

(Less Developed Countries – LDCs) cũng tuyên bố họ đang gặp phải những khó khăn rất lớn trong việc hoàn trả nợ vay nước ngoài. Thập kỷ 80 và 90 được gọi là thời kỳ mà khủng hoảng nợ đã trở thành vấn đề chính trị cơ bản trên trường quốc tế.

Ở các nước phát triển, vay nợ nước ngoài có nhiều vai trò tích cực. Vậy khi cuộc khủng hoảng nợ nổ ra thì nó sẽ đem lại cho đất nước ấy những tích cực hay không? Mặc dù khủng hoảng nợ nổ ra đem đến cho đất nước nhiều tiêu cực về kinh tế, chính trị và xã hội. Nhưng bên cạnh đó vẫn có những mặt tích cực mà khủng hoảng nợ nước ngoài mang lại. Vì vậy nhóm nghiên cứu quyết định nghiên cứu về tác động hai mặt khi khủng hoảng nợ nổ ra và từ đó có một số giải pháp để giúp các nước tránh được cuộc khủng hoảng nợ nổ ra.

2. Tổng quan.

2.1. Tài liệu trong nước

Đề tài: “Nâng cao hiệu quả quản lý nợ nước ngoài trong quá trình phát triển kinh tế Việt Nam” – Tác giả: Hạ Thị Thiều Dao – Luận án Tiến sĩ, năm 2006. Luận án đã thành công trong việc đưa ra bức tranh toàn cảnh về thực trạng của vấn đề nợ và quản lý nợ trong suốt một thời gian dài từ những thập niên 90 đến năm 2006 và có phân tích về xu hướng trong những năm tiếp theo. Từ thực trạng đó, tác giả có đề cập đến những giải pháp nhằm hoàn thiện quá trình nợ nước ngoài của Việt Nam. Tuy nhiên, luận án lại chưa thống kê đầy đủ các số liệu liên quan đến số nợ nước ngoài của Chính phủ, Chính phủ đã vay bao nhiêu, trả lãi và gốc như thế nào, chưa phân tích thấu đáo vấn đề an toàn các khoản vay và tính bền vững lâu dài của nó.

“Sử dụng công cụ vay nợ của Chính phủ trong điều tiết kinh tế vĩ mô” nghiên cứu của Vũ Đình Ánh (2008). Từ phân tích những kinh nghiệm thực tiễn của các nước lớn như Mỹ, Nhật Bản và Trung Quốc về sử dụng vay nợ Chính phủ đã rút ra những bài học hữu ích trong tiến trình sử dụng vay nợ Chính phủ thành một công cụ điều tiết vĩ mô có hiệu quả cho Việt Nam. Ngoài ra đề tài còn

đề xuất hệ thống các mục tiêu, giải pháp, lộ trình vay nợ, chiến lược vay nợ Chính phủ, phát huy vai trò công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô, phục vụ mục tiêu tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao và bền vững giai đoạn 2008 – 2020

Nghiên cứu của Hoàng Khắc Lịch, Dương Cẩm Tú về “Các nhân tố ảnh hưởng tới nợ nước ngoài của các nước đang phát triển”. Bài viết nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới nợ nước ngoài của khu vực công ở các nước đang phát triển. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích hồi quy mô hình có tác động cố định với dữ liệu mảng của 50 quốc gia đang phát triển trong giai đoạn 1996-2015. Kết quả phân tích cho thấy, nợ nước ngoài của Chính phủ những năm qua tăng lên đáng kể do sự gia tăng của nợ cũ chưa trả được, cùng với sự mở rộng đầu tư công và tỷ giá hối đoái. Ngược lại, sự gia tăng của tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát và xuất khẩu ròng có tác động làm giảm dư nợ từ bên ngoài của các quốc gia.

2.2. Tài liệu nước ngoài.

Trong cuốn sách “Đông Á: Con đường dẫn đến phục hồi” (1998) của World Bank đã nói về cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ Đông Á - cuộc khủng hoảng lớn nhất trong nhiều thập kỷ qua - đã kéo dài hơn một năm, gây ra những hậu quả nặng nề đối với các nền kinh tế Đông Á và tác động tiêu cực đến nền kinh tế thế giới. Nội dung cuốn sách trình bày khái quát về cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ ở Đông Á, đồng thời đi sâu phân tích từng khía cạnh của cuộc khủng hoảng: thương mại và cạnh tranh, tài chính, xã hội, môi trường, ... Trên cơ sở đó, cuốn sách đề xuất và kiến nghị một số giải pháp nhằm giúp các nước trong khu vực thoát khỏi khủng hoảng và phục hồi sự tăng trưởng kinh tế... Mặc dù có một số đánh giá và số liệu trong cuốn sách khác với đánh giá và số liệu của chúng ta, nhất là những số liệu và tiêu chí đánh giá tình trạng nghèo khổ ở các nước khác nhau trên thế giới

Về tác động của nợ nước ngoài đến hiệu quả kinh tế, Hameed.A (2008) cho rằng, vay nợ nước ngoài góp một phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, đặc biệt khi nguồn lực tài chính trong nước không đầy đủ và cần bổ sung nguồn

vốn từ bên ngoài. Nghiên cứu của ông cũng nhận ra rằng một mức độ vay nợ nước ngoài hợp lý sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua các yếu tố tích lũy tăng năng suất.

Trong nghiên cứu “Optimal Foreign Borrowing Revisited” của Seung Hun và các cộng sự (2010) đã kết luận việc vay nợ nước ngoài có vai trò ngày càng quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là các khoản đầu tư tài chính của các quốc gia đang phát triển. Tuy nhiên, các dòng vốn nước ngoài có thể biến động bởi các cuộc khủng hoảng tài chính gần đây. Nghiên cứu đã đánh giá về mặt lý thuyết các hành vi vay vốn nước ngoài của các nước có nền kinh tế đang phát triển trong việc hình thành vốn nội địa và đề cập đến những tác động khác nhau trong chính sách cho vay của các tổ chức tài chính quốc tế. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc vay nước ngoài sẽ giúp tăng trưởng kinh tế, không phân biệt chính sách cho vay của các tổ chức tài chính quốc tế.

Bài nghiên cứu của Senadra và các cộng sự (2018), “The effect of external debt on economic growth in Sub-Saharan Africa” lại chỉ ra rằng nợ nước ngoài có ảnh hưởng tiêu cực đến sự tăng trưởng kinh tế ở đây và không tồn tại mối quan hệ phi tuyến tính giữa nợ nước ngoài và tăng trưởng kinh tế ở các nước Châu Phi hạ Sahara (SSA).

Tài liệu của Worldbank “Managing public debt: From diagnostics to reform implementation” giới thiệu những phân tích của Ngân hàng thế giới về vấn đề quản lý nợ công ở các nước đang phát triển: Những tính toán và ban hành quy chế trong cải cách quản lý nợ công; Các chiến lược quản lý nợ và quản lý rủi ro; Việc phối kết hợp quản lý nợ, chính sách tài chính, chính sách tiền tệ và quản lý tiền mặt; Việc quản lý của chính phủ đối với vấn đề này; Hệ thống nhân viên và hệ thống quản lý nợ.

Tác giả Jaime De Pines trong nghiên cứu Debt Sustainability and Overadjustment đưa ra các kết luận: Chỉ số nợ nước ngoài trên xuất khẩu tăng lên vô hạn, thì cả nợ và thâm hụt cán cân thanh toán sẽ không có khả năng chịu đựng được và Tốc độ tăng nhập khẩu lớn hơn tốc độ tăng xuất khẩu thì sớm hay muộn

quốc gia đó cũng mất khả năng trả nợ. Cũng nghiên cứu về yếu tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ nước ngoài, Begg David, Stanley Fischer, Rudiger Dornbusch lại cho rằng thu nhập từ xuất khẩu là chỉ tiêu đánh giá đúng về khả năng trả nợ nước ngoài của một nước chứ không phải là GDP. Hay tác giả Underwood John trong tác phẩm “Debt in a Macroeconomic Context, in Managing External Debt in Developing Countries” cho rằng lãi suất và thâm hụt ngân sách nhà nước là yếu tố tác động khá mạnh đến mức tích lũy nợ nước ngoài, và do đó, tác động tới khả năng trả nợ nước ngoài của một quốc gia.

Trong nghiên cứu “Optimal Foreign Borrowing Revisited” , nhóm tác giả Seung Huh, Tadashi Inoue và Hyun Hoon Lee đã kết luận việc vay nợ nước ngoài có vai trò ngày càng quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là các khoản đầu tư tài chính của các quốc gia đang phát triển. Tuy nhiên, các dòng vốn nước ngoài có thể biến động bởi các cuộc khủng hoảng tài chính gần đây. Nghiên cứu đã đánh giá về mặt lý thuyết các hành vi vay vốn nước ngoài của các nước có nền kinh tế đang phát triển trong việc hình thành vốn nội địa và đề cập đến những tác động khác nhau trong chính sách cho vay của các tổ chức tài chính quốc tế. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc vay nước ngoài sẽ giúp tăng trưởng kinh tế, không phân biệt chính sách cho vay của các tổ chức tài chính quốc tế.

Nhìn chung các tài liệu nghiên cứu đều phân tích được tình trạng nợ của một số nước và nguyên nhân dẫn gây ra tình trạng nợ ngày càng lớn từ đó dẫn đến khủng hoảng nợ ở một số nước. Khủng hoảng nợ diễn ra tác động đến đất nước cả tiêu cực đều được các tác giả chỉ trong bài nghiên cứu. Các tài liệu nhóm nghiên cứu tìm hiểu được cũng đưa ra được một số giải pháp cho các nước để tránh tình trạng khủng hoảng nợ nước ngoài. Bên cạnh đó thì các bài tài liệu nghiên cứu trên còn một số hạn chế như: tập trung nhiều vào tính tiêu cực khi cuộc khủng hoảng nợ diễn ra mà ít ai đề cập đến những mặt tích cực mà cuộc khủng hoảng nợ mang lại cho đất nước.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

Bài nghiên cứu được thực hiện với 3 mục tiêu:

Thứ nhất, đưa ra tổng quan lý thuyết liên quan về khủng hoảng nợ.

Thứ hai, phân tích tác động hai mặt khi khủng hoảng nợ diễn ra.

Thứ ba, đưa ra một số kiến nghị để các nước tránh rơi vào cuộc khủng hoảng nợ

Để đạt được mục tiêu trên, bài nghiên cứu sẽ giải quyết một số câu hỏi sau:

- **Câu hỏi thứ 1:** Khủng hoảng nợ là gì ?
- **Câu hỏi thứ 2:** Nguyên nhân gây ra khủng hoảng nợ ?
- **Câu hỏi thứ 3:** Khủng hoảng nợ diễn ra tác động tích cực và tiêu cực đến đất nước là gì ?
- **Câu hỏi thứ 4:** Làm thế nào để các nước tránh khỏi khủng hoảng nợ ?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

Đối tượng nghiên cứu: Tác động tích cực và tiêu cực khi cuộc khủng hoảng nợ diễn ra.

Phạm vi nghiên cứu:

- Không gian: trên Thế Giới
- Thời gian: 1982 - 2019.

Thời gian nghiên cứu bắt đầu từ 1982 vì nhóm nghiên cứu tham khảo tình hình khủng hoảng nợ của Mexico

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Thu thập dữ liệu

Nghiên cứu này sử dụng chủ yếu dữ liệu thứ cấp do khoảng cách về địa lý. Dữ liệu thứ cấp thu thập từ các công cụ tìm kiếm Internet, cổng thông tin của các công ty, báo cáo năm, tạp chí và sách báo khoa học, các bài thuyết trình, thông cáo báo chí và các báo cáo hội thảo... Mục đích là để khám phá các dữ liệu và thông tin về tình huống nghiên cứu từ các góc nhìn khác nhau để nâng cao khả năng hiểu biết của các tác giả về tình huống nghiên cứu .

5.2. Việc phân tích dữ liệu

Việc phân tích dữ liệu được thực hiện cho từng tình huống nghiên cứu riêng lẻ và giữa các tình huống. Việc phân tích này dựa vào mục đích đề ra của đề tài nghiên cứu này. Từ những tình huống cụ thể nhóm nghiên cứu rút ra được những điểm tiêu cực và tích cực mà khủng hoảng nợ gây ra.

6. Đóng góp của đề tài.

Bài nghiên cứu đã nêu rõ được khủng hoảng nợ là gì và nguyên nhân nào dẫn đến khủng hoảng nợ diễn ra. Bên cạnh đó, ngoài phân tích những điểm tiêu cực của khủng hoảng nợ gây ra thì nhóm nghiên cứu cũng chỉ ra được những điểm tích cực mà khủng hoảng nợ mang lại cho một quốc gia đang trong cuộc khủng hoảng nợ. Từ đó, nhóm nghiên cứu đã nêu ra một số kiến nghị giúp cho các nước tránh rơi vào cuộc khủng hoảng nợ.

7. Kết cấu của đề tài.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, bài nghiên cứu này được kết cấu thành 4 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận liên quan đến khủng hoảng nợ

Chương 2: Tác động hai mặt khi khủng hoảng nợ xảy ra

Chương 3: Kiến nghị, giải pháp

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN LIÊN QUAN ĐẾN KHỦNG HOẢNG NỢ

1.1. Khủng hoảng nợ là gì ?

Khủng hoảng nợ xảy ra khi các chính phủ không thể thanh toán được các nghĩa vụ nợ đến hạn của mình.

Một cuộc khủng hoảng nợ có thể xảy ra nếu một quốc gia có nền kinh tế yếu không có khả năng trả nợ nước ngoài do không thể sản xuất và bán hàng hóa và tạo ra lợi nhuận. Các Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) là một trong những cơ quan theo dõi nợ nước ngoài của quốc gia. Ngân hàng Thế giới công bố báo cáo hàng quý về thống kê nợ nước ngoài.

Nếu một quốc gia không thể hoặc từ chối trả nợ nước ngoài, quốc gia đó được cho là mặc định có chủ quyền. Điều này có thể dẫn đến những người cho vay giữ lại việc phát hành tài sản trong tương lai mà quốc gia vay có thể cần. Những trường hợp như vậy có thể có tác động lớn, trong đó tiền tệ của người đi vay sụp đổ và tăng trưởng kinh tế chung của quốc gia đó bị đình trệ.

Các điều kiện mặc định có thể khiến cho một quốc gia gặp khó khăn trong việc trả lại những gì cho họ nợ, cộng với bất kỳ hình phạt nào mà người cho vay đã đưa ra đối với quốc gia phạm pháp. Cách xử lý vỡ nợ và phá sản đối với các quốc gia khác với những gì thị trường tiêu dùng trải nghiệm, cho phép các quốc gia đã vỡ nợ nước ngoài có khả năng tránh phải trả nợ

1.2. Nguyên nhân gây ra khủng hoảng nợ

Các nước vay nợ quá nhiều chính phủ không đủ khả năng thanh toán các khoản nợ - mất khả năng thanh khoản.

Thông thường, những nước có tiềm lực kinh tế yếu kém rất mong sự đầu tư của nước ngoài, nhằm để kích cầu, tạo công ăn việc làm, khôi phục cơ sở hạ tầng...Để thu hút đầu tư, chính phủ phải có những ưu đãi cần thiết, tạo điều kiện cho những công ty, tập đoàn nước ngoài cảm thấy rằng khi bỏ vốn đầu tư thì mình sẽ có được một số lợi nhuận cần thiết. Trước hết về mặt tín dụng ngân hàng thì

lãi suất trong nước phải cao hơn lãi suất của nước đi đầu tư. Lãi suất cao thường dẫn đến đồng nội tệ yếu hơn ngoại tệ. Các nhà đầu tư nước ngoài cảm thấy đồng tiền của họ có giá hơn khi thâm nhập thị trường bản xứ. Ưu đãi thuế suất (10% lên đến 15 năm và 20% lên đến 10 năm); miễn, giảm thuế có thời hạn (tối đa đến 9 năm); cho phép chuyển lỗ (trong vòng 5 năm); miễn đánh thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài; hoàn thuế cho lợi nhuận tái đầu tư; cho phép được khấu hao nhanh...

Nhưng lãi suất cao đồng nghĩa với việc số lãi phải trả tính bằng ngoại tệ càng nhiều, nợ quốc gia càng tăng. Hơn nữa, một khi nhà đầu tư muốn chuyển lợi nhuận về nước thì nhà nước phải bỏ ra một lượng ngoại tệ lớn để trả cho họ. Lượng ngoại tệ này quá lớn sẽ làm giảm dự trữ ngoại hối, nếu dự trữ ngoại tệ không đủ quốc gia mất khả năng thanh toán. Một số quốc gia vay nợ ngắn hạn nhưng lại đầu tư vào những dự án dài hạn và ít đem lại nguồn thu ngoại tệ như các công trình xây dựng nhà ở, văn phòng, viễn thông...khi đến hạn trả quốc gia sẽ không có nguồn ngoại tệ để trả. Đây là nguy cơ mất khả năng thanh toán do cơ cấu đầu tư không hợp lý. Dự án hỗ trợ chính thức (ODA) mà nước nhận tài trợ lựa chọn những dự án kém hiệu quả thì khả năng hoàn vốn cũng rất đáng lo ngại.

Vay ngoại tệ nước ngoài, nhưng dự án vay không hiệu quả. Khi thời hạn trả nợ đến mà quốc gia không có nguồn lực nào để thanh toán thì quốc gia càng phải nhanh chóng thu hút nguồn ngoại tệ bổ sung. Đây chính là trường hợp vay nóng mà các con buôn ngoài thị trường hay sử dụng. Trong điều kiện của một quốc gia thì những khoản vay như thế này phải chịu một áp lực cao hơn những khoản vay thông thường. Khi đó biện pháp cơ bản nhất được áp dụng là tăng lãi suất cơ bản trong nước cao hơn lãi suất ở nước ngoài, điều này tiếp tục làm tăng khả năng quốc gia mất khả năng thanh toán. Quốc gia rơi vào vòng luẩn quẩn, càng trả nợ thì nợ lại càng tăng, nguy cơ mất khả năng thanh toán càng đến gần.

Điển hình là ngày 6/10/2015, hãng xếp hạng tín nhiệm Fitch đánh giá Ukraine đã rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán, hay còn gọi là vỡ nợ một phần, sau

khi quốc gia này không thể trả đúng hạn khoản nợ trái phiếu mà chính quyền Ukraine đang nỗ lực tìm cách thỏa thuận tái cơ cấu với các chủ nợ

Ngoài nguyên nhân chính phủ không đủ khả năng thanh toán các khoản nợ thì khi khủng hoảng nợ diễn ra mỗi đất nước sẽ có những nguyên nhân riêng. Nguồn gốc của vấn đề nợ hiện tại của các nước đang phát triển có thể bắt nguồn từ thặng dư thanh toán khổng lồ của các nước xuất khẩu dầu mỏ vào đầu những năm 1970 với thâm hụt đối tác ở nơi khác. Các yếu tố khiến nguồn cung vốn tăng lên tạo ra nhu cầu của chính nó. Các ngân hàng tư nhân đã sẵn sàng cho vay các khoản tiền thặng dư của họ và không thiếu nhu cầu.

Nhu cầu rất mạnh do sự bùng nổ hàng hóa thế giới, xuất khẩu đang nổi và lạm phát đã làm giảm tỷ lệ giao cắt thực tế đối với các khoản vay xuống gần như bằng không. Tín dụng trở nên rẻ và rủi ro cho vay thấp. Nhưng mọi thứ thay đổi rất nhanh. Suy thoái ở các nước phát triển, do việc áp dụng các chính sách chống lạm phát trong nước, khiến thị trường hàng hóa thế giới sụp đổ, giá cả sụt giảm, xuất khẩu xuống mức thấp và lãi suất thực tăng vọt. Trên hết, lãi suất danh nghĩa tăng lên và đồng đô la tăng giá.

Vấn đề nợ của LDC đã trở nên trầm trọng hơn bởi việc sử dụng phần lớn số tiền đã được đưa vào. Thay vì đầu tư vào các dự án sản xuất, Chính phủ đã dành cho tiêu dùng hiện tại để phổ biến hoặc để giữ cho các doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả, hoặc đơn giản là nó đã biến mất trong túi của các chính trị gia và quan chức. Kết quả là vào năm 1982, nhiều LDC đã phải gánh chịu những khoản nợ lớn mà họ không thể phục vụ (Cuộc khủng hoảng nợ bắt đầu vào tháng 8 năm 1982 tại Mexico)

CHƯƠNG 2: TÁC ĐỘNG HAI MẶT KHI KHỦNG HOẢNG NỢ NỔ RA

2.1. Tác động tiêu cực của khủng hoảng nợ

Để đáp ứng nhu cầu về vốn cho nền kinh tế, vay nợ nước ngoài là một hoạt động không thể thiếu, đặc biệt trong giai đoạn mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế. Thực tiễn ở các quốc gia trên thế giới cho thấy, vay nợ nước ngoài mang lại rất nhiều tác động tích cực đến nền kinh tế. Tuy nhiên, nợ nước ngoài sẽ trở thành một yếu tố tiêu cực khi một quốc gia vay nợ quá nhiều dẫn đến khủng hoảng nợ. Khủng hoảng nợ xảy ra khi một quốc gia không thể trả nợ cho các chủ nợ, họ tuyên bố tình trạng vỡ nợ và gia nhập vào các câu lạc bộ. Tuy nhiên, các quốc gia con nợ chỉ tuyên bố tình trạng vỡ nợ như một giải pháp cuối cùng, bởi vì tuyên bố vỡ nợ quốc gia bao giờ cũng phát sinh những tác động tiêu cực đến nền kinh tế.

2.1.1. Mất khả năng vay nợ trong tương lai.

Khi một quốc gia tuyên bố vỡ nợ thì đồng nghĩa với việc từ bỏ khả năng vay nợ nước ngoài trong tương lai. Những chủ nợ nước ngoài bị mất vốn sẽ không bao giờ sẵn sàng cho vay lại trong tương lai. Những chủ nợ tiềm năng sẽ đánh giá quốc gia vỡ nợ thuộc loại có rủi ro đặc biệt. Các nước vỡ nợ không có khả năng thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng như thâm nhập thị trường vốn quốc tế, do đó tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ bị kìm hãm.

Ví dụ, năm 2017 trước thông tin Venezuela vỡ nợ, trái phiếu của nước này đang rớt giá thảm hại và chỉ được tính bằng cent. Giá trái phiếu đáo hạn vào tháng 10 năm 2018 với tổng trị giá 2,5 tỷ USD của nước này, vốn đã mất khả năng thanh toán do chính phủ lờ hện thanh toán lãi, đã mất 1/5 giá trị và giao dịch ở mức 25,7 cent. Giám đốc tài chính Pavel Federov của Rosneft, công ty đã từng cho Venezuela vay 6 tỷ USD, cho biết hãng không có kế hoạch cho vay thêm bất kỳ khoản tiền nào với Venezuela.

2.1.2. Giảm lợi thế từ thương mại quốc tế.

Các nước chủ nợ có thể sẽ áp dụng những biện pháp bảo hộ thương mại để trừng phạt các nước con nợ. Xuất khẩu của các nước con nợ sẽ trở thành đối tượng tịch thu của nước chủ nợ khi hàng hóa chạm đến biên giới quốc tế. Ngoài ra, nước vỡ nợ cũng khó khăn trong việc nhập khẩu vì nước xuất khẩu lo ngại rằng sẽ không thu được tiền. Kết quả là, khối lượng ngoại thương của nước vỡ nợ sẽ giảm xuống.

Năm 2017, áp lực đang ngày một gia tăng lên chính phủ Venezuela trước những thách thức về tài chính cũng như lệnh trừng phạt của Liên minh Châu Âu (EU) vì cáo buộc vi phạm nhân quyền. Ngày 24-8-2017, Tổng thống Mỹ Donald Trump đã áp đặt các lệnh trừng phạt đối với nợ nhà nước của Venezuela, cấm thực hiện các giao dịch với nợ nhà nước của Venezuela, bao gồm cả việc tham gia tái cơ cấu nợ. Thậm chí, một số nước Châu Mỹ Latinh đã kêu gọi quốc tế gia tăng những biện pháp trừng phạt như cấm du lịch hay đóng băng tài sản hoặc cấm nhập khẩu dầu mỏ nhằm lên Venezuela.

Ngoài ra theo lý thuyết, việc tuyên bố vỡ nợ có thể giúp Tổng thống Maduro không phải trả khoản thanh toán 1,6 tỷ USD trong năm nay nhưng chúng khiến các hàng hóa, dầu mỏ của nước này khó xuất khẩu do bị các chủ nợ thu giữ. Điều này chỉ khiến tình hình kinh tế, xã hội ở đây tồi tệ hơn do người dân đang phải chịu tình cảnh suy dinh dưỡng và bệnh tật do không tìm thấy nguồn cung lương thực hay thuốc men

2.1.3. Tài sản ở nước ngoài có thể bị tịch thu bởi nước chủ nợ.

Nhiều nước con nợ duy trì một lượng đáng kể dự trữ ngoại hối bằng vàng và ngoại tệ tại các NHTW của các nước phát triển, và đây chính là những tài sản bị tịch thu hay phong tỏa khi tuyên bố vỡ nợ với những chủ nợ chính thức.

Trong khủng hoảng nợ Venezuela, nguy cơ đối với Venezuela và tập đoàn dầu khí quốc gia PDVSA là sẽ bị loại ra khỏi các thị trường, tài sản bị tịch thu kể cả các chi nhánh ở nước ngoài. Ngân hàng Deutsche của Đức đã tịch thu 20 tấn

vàng thuộc sở hữu của Venezuela và sử dụng chúng làm tài sản thế chấp. Ngoài ra, Ngân hàng Anh đã từ chối rút dự trữ vàng của Venezuela, trị giá 1,2 tỉ USD, theo yêu cầu của ông Maduro.

2.1.4. Kinh tế sa sút, FDI chững lại

Khủng hoảng nợ diễn ra khiến cho Chính phủ phải tập trung giải quyết nợ đến hạn, điều này dẫn đến các nguồn ngân sách hiện tại cho việc đầu tư phát triển kinh tế sẽ được dùng để trả nợ, thêm vào đó là các biện pháp thắt lưng buộc bụng sẽ làm FDI nhanh chóng giảm sút. Ngoài ra, các khoản kiếm được trong tương lai sẽ luôn được dành để trả nợ, do đó quốc gia lâm vào khủng hoảng nợ phải mất thời gian rất lâu để phục hồi nền kinh tế.

2.1.5. Lòng tin của chính phủ bị giảm đi, xã hội và chính trị bất ổn

Khi khủng hoảng nợ diễn ra, người dân có niềm tin chính đáng khi đổ lỗi cho sự quản lý yếu kém của chính phủ. Một điều thường thấy trong các cuộc khủng hoảng nợ của Hy Lạp hay Venezuela là đồng tiền trong nước mất giá, xảy ra siêu lạm phát và người dân từ chối giữ tiền mặt. Điều đó cũng có nghĩa là chi phí cho mọi thứ, từ thức ăn thực phẩm cho tới các hóa đơn, đều tăng chóng mặt, trong lúc đồng tiền tiếp tục mất giá, khiến nhiều người dân chật vật, phải vật lộn trong việc trang trải cho các sinh hoạt hết sức căn bản như thực phẩm và đồ vệ sinh cá nhân.

Trong trường hợp của Venezuela, tình trạng siêu lạm phát, bị cắt điện, thiếu thực phẩm, thuốc men đã khiến hàng triệu người bỏ đất nước ra đi. Khoảng 3 triệu người, chiếm chừng 10% dân số, đã quyết định rời đi kể từ khi cuộc khủng hoảng bắt đầu nghiêm trọng, 2014, theo các số liệu của Liên hiệp quốc. Các kệ hàng ở siêu thị vẫn trống trơn, và tại một số thành phố đã xảy ra tình trạng thiếu nước, thiếu điện do hệ thống cơ sở hạ tầng của Venezuela thiếu sự đầu tư, bảo dưỡng. Các bệnh viện công lâm vào tình trạng nguy ngập chết người do thiếu điện, nước. Những người không thể ra đi thường phải dành thời gian nhiều ngày

thậm chí nhiều tuần để tìm kiếm những loại thuốc y tế cần thiết. Thực phẩm khan hiếm khiến tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em tăng cao kỷ lục.

2.2. Tác động tích cực của khủng hoảng nợ.

Vay nợ nước ngoài là điều cần thiết đối với các quốc gia có nền kinh tế đang phát triển. Trong điều kiện thị trường tài chính trong nước còn kém, khi nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển những ngành, lĩnh vực kinh tế then chốt phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hoá đất nước, mà khả năng huy động vốn trong nước còn hạn chế, vay nợ nước ngoài giúp các quốc gia đáp ứng nhu cầu về vốn cho phát triển kinh tế - xã hội cũng như thực hiện những mục đích trong những giai đoạn nhất định. Ngay cả những quốc gia có nền kinh tế phát triển, vay nợ nước ngoài vẫn là một hoạt động phổ biến.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc quản lý nợ, đặc biệt là nợ nước ngoài là một vấn đề rất phức tạp, bởi không biết từ khi nào nợ luôn là nguyên nhân chính của các bất ổn kinh tế nghiêm trọng ở các quốc gia. Nếu chính phủ không có một chiến lược hợp lý trong quản lý nợ thì việc khủng hoảng nợ là điều hoàn toàn có thể xảy ra.

2.2.1. Quốc gia xem xét lại tài chính và nguyên nhân gây ra khủng hoảng nợ

Khủng hoảng nợ nổ ra đem đến vô số tác động tiêu cực đến các quốc gia chịu ảnh hưởng, song bên cạnh đó nó cũng khiến cho những quốc gia này phải xem xét, nhìn nhận lại bộ máy tài chính của mình, tìm ra nguyên nhân gây ra khủng hoảng nợ, học hỏi từ những sai lầm trong quá khứ, để một mặt ngăn chặn các sai lầm này trong tương lai và mặt khác có thể thu lợi từ cuộc khủng hoảng.

Điển hình là trường hợp của Hy Lạp, bi kịch xuất phát từ nguyên nhân chính là khả năng quản trị tài chính công yếu kém cùng với những khoản chi tiêu của chính phủ quá lớn, vượt khả năng kiểm soát. Nhưng có thể phân định rõ 5 nhóm nguyên nhân chủ yếu.

Thứ nhất, tiết kiệm trong nước thấp dẫn tới phải vay nợ nước ngoài cho chi tiêu công. Thập niên 90 tỷ lệ tiết kiệm trong nước bình quân của Hy Lạp chỉ ở mức 11%, thấp hơn nhiều so với mức 20% của các nước như Bồ Đào Nha, Ý, Tây Ban Nha và đang có xu hướng sụt giảm nhanh chóng. Do vậy, đầu tư trong nước phụ thuộc khá nhiều vào các dòng vốn đến từ bên ngoài. Lợi tức trái phiếu liên tục giảm nhờ vào việc gia nhập liên minh châu Âu EU (năm 1981) và làn sóng bán tháo trái phiếu từ dân chúng cho thấy Hy Lạp đã dễ vượt khỏi tay một kênh huy động vốn sẵn có buộc chính phủ Hy Lạp tăng cường vay nợ tài trợ cho chi tiêu công.

Thứ hai, chi tiêu công tăng cao dẫn đến thâm hụt ngân sách. Tăng trưởng GDP của Hy Lạp vẫn được ca ngợi với tốc độ tăng trung bình hàng năm là 4,3% (2001 – 2007) so với mức trung bình của khu vực Eurozone là 3,1%. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, mức chi tiêu chính phủ tăng 87% trong khi mức thu của chính phủ chỉ tăng 31%, khiến cho ngân sách thâm hụt vượt quá mức cho phép 3% GDP của EU.

Thứ ba, nguồn thu giảm sút cũng là một nhân tố dẫn tới tình trạng thâm hụt ngân sách và gia tăng nợ công. Trốn thuế và hoạt động kinh tế ngầm ở Hy Lạp là nhân tố làm giảm nguồn thu ngân sách. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới WB, kinh tế không chính thức ở Hy Lạp chiếm tới 25 - 30% GDP. Hệ thống thuế với nhiều mức thuế cao và bộ luật phức tạp cùng với sự điều tiết dư thừa và thiếu hiệu quả của cơ quan quản lý là nguyên nhân dẫn đến tình trạng trốn thuế và kinh tế ngầm phát triển ở Hy Lạp. Theo Tổ chức Minh bạch quốc tế, Hy Lạp là một trong những nước có tỷ lệ tham nhũng cao nhất trong EU. Năm 2008, hơn 13% người Hy Lạp đã chi tới 750 triệu EUR tiền phong bì cho các lãnh đạo khu vực công và khu vực tư, trong đó có bác sĩ là những người đòi nhiều tiền hơn cho các cuộc phẫu thuật; các nhà quy hoạch thành phố và các quan chức ở địa phương cũng liên quan đến những vụ việc nhận hối lộ...

Thứ tư, sự tiếp cận dễ dãi với nguồn vốn đầu tư nước ngoài và việc sử dụng nguồn vốn không hiệu quả. Bên cạnh đó, việc gia nhập Eurozone năm 2001 là cơ

hội lớn để Hy Lạp có thể tiếp cận với thị trường vốn quốc tế, dễ dàng thu hút vốn đầu tư nước ngoài với mức lãi suất thấp. Gần một thập kỷ qua, Chính phủ Hy Lạp liên tục bán trái phiếu để thu về hàng trăm tỷ USD. Số tiền này lẽ ra có thể giúp kinh tế Hy Lạp tiến rất xa nếu chính phủ có kế hoạch chi tiêu hợp lý. Tuy nhiên, chính phủ Hy Lạp đã chi tiêu quá tay (phần lớn cho cơ sở hạ tầng) mà hầu như không quan tâm đến các kế hoạch trả nợ.

Thứ năm, thiếu tính minh bạch và niềm tin của các nhà đầu tư. Sự thiếu minh bạch trong số liệu thống kê của Hy Lạp đã làm mất niềm tin của các nhà đầu tư mà quốc gia này đã tạo dựng được với tư cách là một thành viên của Eurozone và nhanh chóng xuất hiện các làn sóng rút vốn ồ ạt khỏi các ngân hàng của Hy Lạp, đẩy quốc gia này vào tình trạng khó khăn trong việc huy động vốn trên thị trường vốn quốc tế. Sự phụ thuộc vào nguồn tài chính nước ngoài đã khiến cho Hy Lạp trở nên rất dễ bị tổn thương trước những thay đổi trong niềm tin của giới đầu tư.

Cách duy nhất để Hy Lạp khắc phục khó khăn là cắt giảm chi tiêu và tăng thuế - những biện pháp có thể làm tỷ lệ thất nghiệp của nước này thêm đáng ngại. Và khi đó, chắc chắn là niềm tin của thị trường trái phiếu vào Hy Lạp càng bị xói mòn, đẩy quốc gia này vào tình trạng tồi tệ hơn.

Giới quan sát vẫn hy vọng châu Âu sẽ cùng nhau đứng ra bảo lãnh nợ cho Hy Lạp, và đổi lại, Hy Lạp phải cam kết thắt lưng buộc bụng chặt hơn nữa. Đây có thể là một giải pháp tốt cho Hy Lạp.

Hy Lạp có thể giải quyết một phần vấn đề của họ bằng cách rút khỏi khu vực sử dụng đồng Euro và thực hiện phá giá đồng tiền. Nhưng nếu Athens làm vậy, chắc chắn hệ thống ngân hàng của họ sẽ bị rút vốn ồ ạt. Trên thực tế, do lo ngại về khả năng vỡ nợ của Hy Lạp, nhiều khách hàng đã bắt đầu tháo chạy khỏi các nhà băng của nước này.

Do đó, ngoài việc thận trọng trong chính sách tài khóa, các nước cần cân trọng với bất kỳ giảm phát. Ngay cả những quốc gia sử dụng đồng tiền riêng như Nhật Bản cũng có thể rơi vào bất kỳ.

2.2.2. Nhận được sự hỗ trợ từ các tổ chức tài chính quốc tế

Khi khủng hoảng nợ rơi vào trầm trọng, các quốc gia chịu ảnh hưởng sẽ có thể nhận được sự hỗ trợ lớn từ cộng đồng tài chính quốc tế. Đối với Hy Lạp - quốc gia từng chìm sâu trong khủng hoảng nợ, các nước sử dụng đồng Euro (Eurozone) đã đi tới một kế hoạch hỗ trợ tài chính cho quốc gia này. Kế hoạch bao gồm sự tham gia của các chính phủ trong khối và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), nhằm mục đích chặn sự lan rộng của cuộc khủng hoảng nợ đang xói mòn sức mạnh của đồng Euro. Ngoài ra, kế hoạch cũng kêu gọi khối Eurozone có những quy tắc chặt chẽ hơn đối với hoạt động chi tiêu của chính phủ để tránh tình trạng thâm hụt ngân sách vượt tầm kiểm soát và tạo ra mầm mống cho khủng hoảng. Kế hoạch giải cứu Hy Lạp nói trên được dẫn đầu bởi Đức và Pháp, hai nước “anh cả” của Eurozone. Đây là một nỗ lực nhằm ngăn chặn sự lan rộng của khủng hoảng nợ tại châu Âu, nơi không chỉ Hy Lạp mà một số quốc gia khác như Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha cũng đang gánh những khoản nợ công và thâm hụt ngân sách cao như núi. Nếu cuộc khủng hoảng này leo thang, các chính phủ ở châu Âu sẽ buộc phải trả lãi suất cao hơn để phát hành trái phiếu, khiến tình trạng nợ nần của họ càng thêm nghiêm trọng.

Khoản tiền để cứu Hy Lạp có thể lên tới khoảng 22 tỷ Euro, trong đó các nước Eurozone sẽ đóng góp phần lớn, còn lại sẽ đến từ IMF. Các khoản vay mà các nước Eurozone và IMF cung cấp cho IMF nếu kế hoạch giải cứu được triển khai sẽ theo lãi suất thị trường. Chủ tịch EU Herman Van Rompuy khẳng định với báo giới rằng, trong kế hoạch cứu Hy Lạp được đưa ra, châu Âu vẫn đóng vai trò chủ chốt, và sẽ là người cho vay cuối cùng đối với Hy Lạp. Chủ tịch Ngân hàng Châu Âu (ECB) Jean-Claude Trichet, người trước đó vẫn phản đối việc IMF tham gia cứu Hy Lạp, đã lên tiếng hoan nghênh quyết định trên của EU. Các chủ nợ khu vực Eurozone cũng đã đồng ý giải ngân 15 tỷ euro (17,5 tỷ USD) để hỗ trợ Hy Lạp rời khỏi chương trình cứu trợ một cách thuận lợi hơn. Điều này cũng giúp Hy Lạp có một vùng “đệm an toàn” trị giá 24 tỷ euro. Hy Lạp đã phải thực

hiện nhiều biện pháp cải cách và "thắt lưng buộc bụng" bị người dân phản đối để đổi lấy ba gói cứu trợ với tổng trị giá lên tới 273 tỷ euro từ Liên minh châu Âu (EU), Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) và IMF. Song những cải cách nghiêm ngặt này đã trở thành một “tảng đá” đè nặng lên Hy Lạp khi nền kinh tế nước này suy giảm mạnh, còn tỷ lệ thất nghiệp tăng vọt.

Tuy vậy, sau một thời gian thực hiện cải cách, nền kinh tế Hy Lạp đã dần ổn định và dự báo sẽ tăng trưởng ở mức khiêm tốn trong năm 2018. Mới đây, Cơ quan Thống kê Hy Lạp (ELSTAT) cho biết GDP quý I/2018 của nước này tăng 2,3% so với cùng kỳ năm trước. Theo số liệu đã điều chỉnh, xuất khẩu của Hy Lạp quý I vừa qua tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước, trong khi nhập khẩu các sản phẩm và dịch vụ giảm 2,8%. Hy Lạp mới lấy lại đà tăng trưởng kinh tế hồi năm 2017, với mức tăng trưởng 1,4% và IMF dự báo kinh tế nước này ước tăng trưởng 2% trong năm 2018. Trước sự cải thiện về tình hình tài khóa, chính trị ổn định và kinh tế vững dần, các hãng xếp hạng tín dụng trong năm nay đã nâng bậc xếp hạng nợ của Hy Lạp. Sau 8 năm ròng cùng với khoản tiền vay nợ lên tới 330 tỷ USD, nền kinh tế Hy Lạp cuối cùng cũng tự đứng vững và không cần thêm bất cứ chương trình cứu trợ nào của các chủ nợ châu Âu.

CHƯƠNG 3: KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP.

Nợ nước ngoài là một phần quan trọng và không thể thiếu trong tài chính mỗi quốc gia. Tuy nhiên, việc nợ nước ngoài tăng nhanh sẽ gây nhiều tác động cho nền kinh tế. Bài viết đã đề xuất một số chính sách nhằm quản lý có hiệu quả nợ nước ngoài nhằm quản lý nợ một cách tốt nhất để không gây ra khủng hoảng.

Thứ nhất, việc tính toán tỷ lệ nợ cần nhất quán theo thông lệ quốc tế nhằm nâng cao tính chịu trách nhiệm của các đối tượng có liên quan, tăng cường tính kỷ luật ngân sách đồng thời giúp việc quản lý nợ đảm bảo tính chính xác, đồng bộ.

Thứ hai, kiểm soát, xử lý các dự án đầu tư công kém hiệu quả. Phân cấp đầu tư, tránh việc đầu tư dàn trải bằng vốn ngân sách trên tất cả các lĩnh vực, các ngành nghề như hiện nay, đặc biệt là các dự án có tính chất thương mại như điện, xi măng do các doanh nghiệp nước ngoài đảm nhận. Chú ý năng lực tự tồn tại của các doanh nghiệp, cần có những điều chỉnh phù hợp để nguồn lực được phân bổ đến những khu vực có năng suất cao hơn tạo điều kiện phát triển kinh tế.

Thứ ba, tiếp tục rà soát, cắt giảm chi thường xuyên trong đó cần tinh gọn bộ máy hành chính trên cơ sở có lộ trình từ các biện pháp tiết kiệm đến tinh giản biên chế.

Thứ tư, cần có sự giám sát chặt chẽ các khoản chi từ Trung ương cho địa phương, đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả ngay từ khâu kiểm tra, đánh giá dự án. Thứ năm, tiếp tục cải cách hệ thống thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm nuôi dưỡng nguồn thu trong tương lai. Tăng cường hiệu quả thu ngân sách, tránh thất thoát, thất thu thuế. Hiện tại, có thể cân nhắc đối với thuế giao dịch bất động sản, thuế đánh vào các mặt hàng xa xỉ hay thuế ô nhiễm môi trường.

Thứ sáu, duy trì khả năng xuất khẩu, xem xuất khẩu là yếu tố then chốt để trả nợ; Cần có giải pháp tránh tình trạng lên giá của tiền đồng làm tổn hại đến năng lực xuất khẩu, khuyến khích vay nước ngoài dẫn đến xói mòn khả năng trả nợ.

TỔNG KẾT

1. Những đóng góp của đề tài.

- Nhóm nghiên cứu tìm hiểu và chỉ ra được những nguyên nhân gây ra khủng hoảng nợ ở các nước.
- Ngoài ra bài nghiên cứu đã phân tích được tác động hai mặt khi khủng hoảng nợ nổ ra. Từ đó nhóm đã nghiên cứu đã đưa ra một số giải pháp để các nước có thể tránh được những khủng hoảng nợ nổ ra

2. Hạn chế của đề tài.

Do thời gian nghiên cứu có hạn và nguồn tài liệu tham khảo còn hạn chế, đề tài chưa đi sâu phân tích được những bài học và nguyên nhân mà các cuộc khủng hoảng nợ đã nổ ra ở một số nước để từ đó sẽ thấy được rõ hơn những tác động tiêu cực và tích cực mà khủng hoảng nợ gây ra. Nghiên cứu chủ yếu sử dụng phương pháp định tính và thu thập số liệu, thông tin. Kinh nghiệm chưa có nên còn nhiều vướng mắc khi làm bài.

3. Hướng phát triển của đề tài

Tiếp tục đi sâu vào nghiên cứu các cuộc khủng hoảng nợ ở các nước điển hình và phân tích tình hình nợ nước ngoài của Việt Nam. Từ đó sẽ có những kiến nghị để giúp Việt Nam giảm được nợ nước ngoài và tránh được khủng hoảng nợ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO.

A. Tài liệu trong nước

1. Phạm Thị Thanh Bình, 2013, “*Nguyên nhân nợ công*”, CAPHESACH mục Kinh tế và Tài chính 26/6/2013.
2. Hoàng Khắc Lịch, Dương Cẩm Tú, “Các nhân tố ảnh hưởng tới nợ nước ngoài của các nước đang phát triển”, 2017.
3. Nguyễn Minh Tùng, 2011, “*Thực trạng và hậu quả của tình trạng nợ công ở Ireland*”, Scribd 02/04/2011, tr 1-3.
3. Vũ Khoan. Khủng hoảng kinh tế toàn cầu và một số vấn đề đặt ra đối với kinh tế Việt Nam. Tạp chí Cộng sản số 9(177) năm 2009
4. Hạ Thị Thiều Dao (2006), “Nâng cao hiệu quả quản lý nợ nước ngoài trong quá trình phát triển kinh tế Việt Nam”, Luận án tiến sỹ, Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Minh Hiếu, 2015, “*Nợ công của Hy Lạp, Ireland và vấn đề đặt ra cho Việt Nam*”, Luận văn thạc sỹ quốc tế, Đại học Kinh tế- Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Phạm Thị Thanh Bình, 2013, “*Nợ công của nhóm PIIGS: Những điểm tương đồng và khác biệt*”, Tạp chí Cộng sản số 903 14/5/2013.

B. Tài liệu nước ngoài

1. Kimberly Amadeo, 2018, “*Greek Debt Crisis Explained*”, The Balance: Europe, 28/8/2018.
2. General government gross debt, IMF: World economic outlook 2018.
3. Anders Borg, 2015, “*Why europe needs to save Greece*”, World Economic Forum 25/3/2015.
4. Ulrich Volz, 2012, “*Lessons of the European Crisis for Regional Monetary and Financial Integration in East Asia*”, ADBI Working Paper Series no 347 p3-15.
5. Sebastian Watzka, 2011, “*Financial Contagion and the European Debt Crisis*”, Ludwig-Maximilian-University of Munich E43 p5-15 8/2011.
6. Esteban Pérez-Caldentey, 2012, “*The Euro Imbalances and Financial Deregulation: A Post-Keynesian Interpretation of the European Debt Crisis*”, University of Utah 2/2012.
7. Judith Randel, Tony German and Deborah Ewing (1998), The Reality of Aid 1998- 1999: An independent review of poverty reduction and development assistance
8. Jacek Prokop, Ewa Baranowska-Prokop (2012), “The efficiency of foreign borrowing: the case of Poland”.